

Bài 3. Văn phạm sản sinh

ONE LOVE. ONE FUTURE.

Lý thuyết ngôn ngữ

- Mô hình cho tất cả các ngôn ngữ
- Các khái niệm quan trọng nhất: ký hiệu, bảng chữ, xâu
- **Ký hiệu** là đối tượng cơ bản nhất của lý thuyết ngôn ngữ
 - Ví dụ: bit: 0,1
nucleotit: A,C,T,G
ký tự được sử dụng trong ngôn ngữ C: chữ cái, chữ số...
từ tố của ngôn ngữ C: định danh, số nguyên
- **Xâu**
 - Dãy hữu hạn các ký hiệu ghép liền với nhau.
 - Ví dụ về xâu Dãy các bit
Số thực
 - Phân tử ADN
 - Chương trình C
- **Ngôn ngữ** là tập các xâu (sentence, string) trên một bảng chữ nào đó



Vấn đề biểu diễn ngôn ngữ

- Thực chất là biểu diễn cú pháp của ngôn ngữ
- Biểu diễn phải hữu hạn
- Công cụ sản sinh: văn phạm
- Công cụ đoán nhận: ôtômat



Phân cấp Chomsky

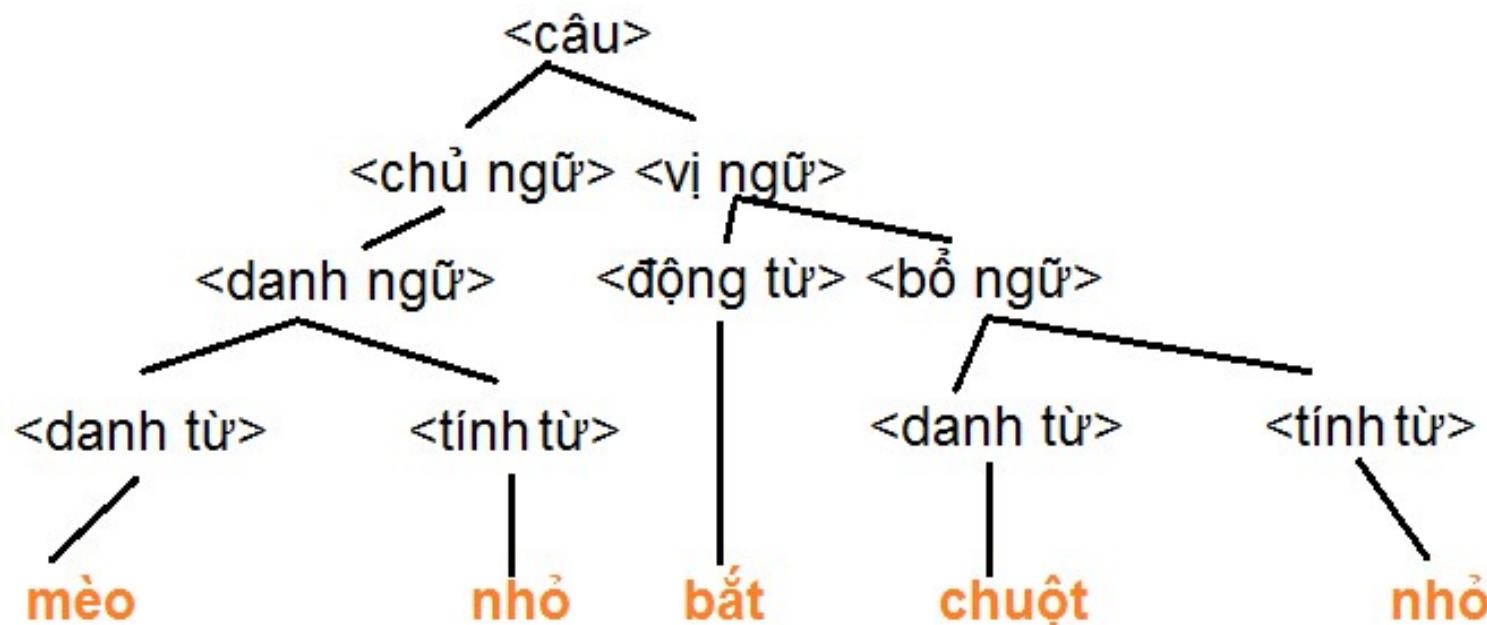
Lớp ngôn ngữ	Công cụ sản sinh	Công cụ đoán nhận	Ghi chú
Đệ quy kề được	Văn phạm loại 0 (ngữ cầu)	Máy Turing	Các bài toán tổng quát
Cảm ngữ cảnh	Văn phạm cảm ngữ cảnh	Ôtômat tuyến tính giới nội	Ngôn ngữ tự nhiên
Phi ngữ cảnh	Văn phạm phi ngữ cảnh	Ôtômat đẩy xuống	Ngôn ngữ lập trình, phần chính của ngôn ngữ tự nhiên
Chính quy	Văn phạm chính quy Công cụ biểu diễn: Biểu thức chính quy	Ôtômat hữu hạn	Từ vựng của ngôn ngữ tự nhiên, ngôn ngữ lập trình



Văn phạm xuất phát từ ngôn ngữ tự nhiên

<động từ> ::= bắt
<danh từ> ::= mèo | chuột
<tính từ> ::= nhỏ

<câu> ::= <chủ ngữ> <vị ngữ>
<chủ ngữ> ::= <danh ngữ>
<bổ ngữ> ::= <danh từ> <tính từ>
<động từ> ::= bắt
<danh từ> ::= mèo | chuột
<vị ngữ> ::= <động từ> <bổ ngữ>



Văn phạm sản sinh các số thực

<Số> ::= -<Số thập phân> | <số thập phân>

<Số thập phân> ::= <Dãy chữ số> | <Dãy chữ số>.•**<Dãy chữ số>**

<Dãy chữ số> ::= <Chữ số> | <Chữ số><Dãy chữ số>

<Chữ số> ::= 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9

Làm thế nào để sản sinh ra các xâu ?

Văn phạm phi ngữ cảnh có thể dùng để sản sinh ra các xâu thuộc ngôn ngữ như sau:

X = Ký hiệu đầu

While còn ký hiệu không kết thúc Y trong X do

Áp dụng một trong các sản xuất của,văn phạm chẵng hạn Y -> w

Khi X chỉ chứa ký hiệu kết thúc, nó là xâu được sản sinh bởi văn phạm.



Ví dụ

S -> -A | A (Sản xuất - Luật sinh)

A -> B.B | B

B -> CB | C

C -> 0 | 1 | 2 |....| 9

Quy ước viết trong mô hình văn phạm sản sinh

Chữ in hoa : K/h không kết thúc

Chữ thường (số, dấu): K/h kết thúc

$\alpha \rightarrow \beta$, $\alpha \rightarrow \nu$ Viết $\alpha \rightarrow \beta | \nu$



Định nghĩa hình thức của văn phạm

Văn phạm là bộ $G = (\Sigma, \Delta, P, S)$, trong đó

Σ : Tập hữu hạn các ký hiệu kết thúc

Δ : Tập hữu hạn các ký hiệu không kết thúc

$S \in \Delta$: Ký hiệu đầu

P : Tập hữu hạn các sản xuất , ký hiệu $\alpha \rightarrow \beta$, α chứa ít nhất 1 ký hiệu không kết thúc, β gồm ký hiệu kết thúc, ký hiệu không kết thúc và có thể không gồm ký hiệu nào.

Quá trình sản sinh xâu -3.14

- Quá trình thay thế

S

-A

-B.B

-B.CB

-C.CB

-C.CC

-3.CC

-3.1C

-3.14

- Sản xuất được sử dụng

$S \rightarrow -A$

$A \rightarrow B.B$

$B \rightarrow CB$

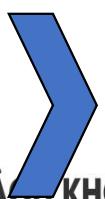
$B \rightarrow C$

$B \rightarrow C$

$C \rightarrow 3$

$C \rightarrow 1$

$C \rightarrow 4$



Quá trình suy dẫn (derivation)

Suy dẫn (Derivations)

- Mỗi lần thực hiện việc thay thế là một bước suy dẫn.
- Nếu mỗi dạng câu có nhiều ký hiệu không kết thúc để thay thế có thể thay thế bất cứ ký hiệu không kết thúc nào



Suy dẫn trái và suy dẫn phải

- Nếu giải thuật phân tích cú pháp chọn ký hiệu không kết thúc cực trái hay cực phải để thay thế, kết quả của nó là suy dẫn trái hoặc suy dẫn phải

Ví dụ suy dẫn trái:

$$\begin{aligned} S &\Rightarrow -A \Rightarrow -B.B \Rightarrow -C.B \Rightarrow -3.B \Rightarrow -3.BC \Rightarrow -3.CC \\ &\Rightarrow -3.1C \Rightarrow -3.14 \end{aligned}$$

Ví dụ suy dẫn phải:

$$\begin{aligned} S &\Rightarrow -A \Rightarrow -B.B \Rightarrow -B.BC \Rightarrow -B.B4 \Rightarrow -B.C4 \Rightarrow -B.14 \\ &\Rightarrow -C.14 \Rightarrow -3.14 \end{aligned}$$



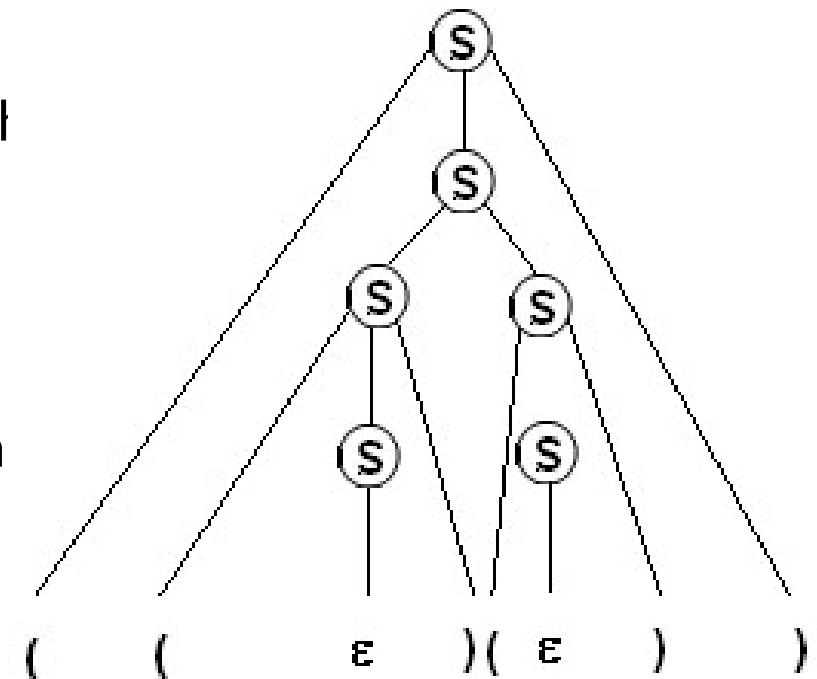
Cây suy dẫn (Cây phân tích cú pháp)

Cây suy dẫn có những đặc điểm sau

- 1) Mỗi nút của cây có nhãn là ký hiệu kết thúc, ký hiệu không kết thúc hoặc ϵ (xâu rỗng)
- 2) Nhãn của nút gốc là S (ký hiệu đầu)
- 3) Nút trong có nhãn là ký hiệu không kết thúc hoặc ϵ
- 4) Nút A có các nút con từ trái qua phải là dạng $A \rightarrow X_1 X_2 \dots X_k$
- 5) Nút lá có thể có nhãn ϵ chỉ khi tồn tại sản chỉ có một nút con duy nhất

Ví dụ: Cây phân tích cú pháp của văn phạm

G: $S \rightarrow SS | (S)|\epsilon$ w=())()



Văn phạm nhập nhằng

Văn phạm

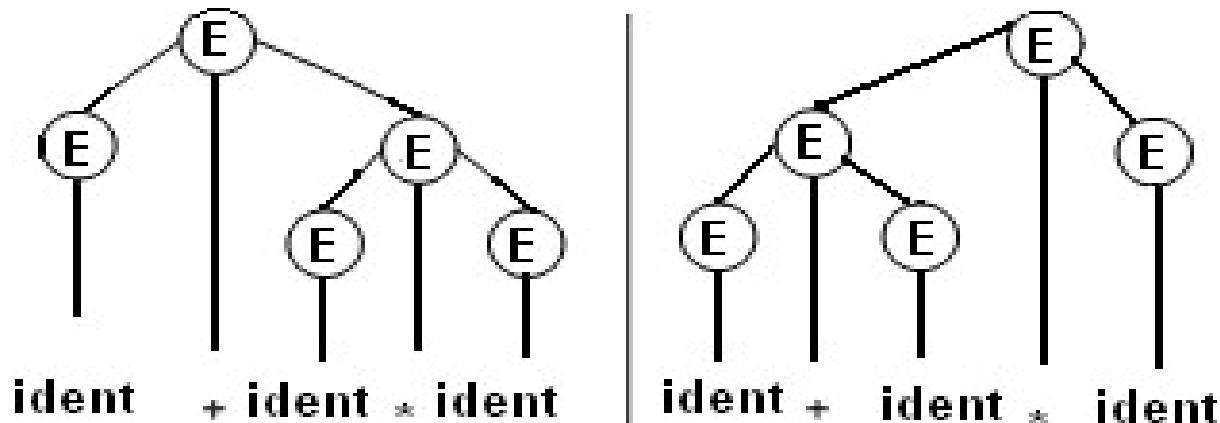
$E \rightarrow E + E$

$E \rightarrow E * E$

$E \rightarrow (E)$

$E \rightarrow IDENT$

E: Expression



Cho phép đưa ra hai suy diễn khác nhau cho xâu IDENT + IDENT * IDENT
(chẳng hạn $x + y * z$)



Văn phạm là nhập nhằng

Khử nhập nhằng (disambiguation)

$E \rightarrow E + T$

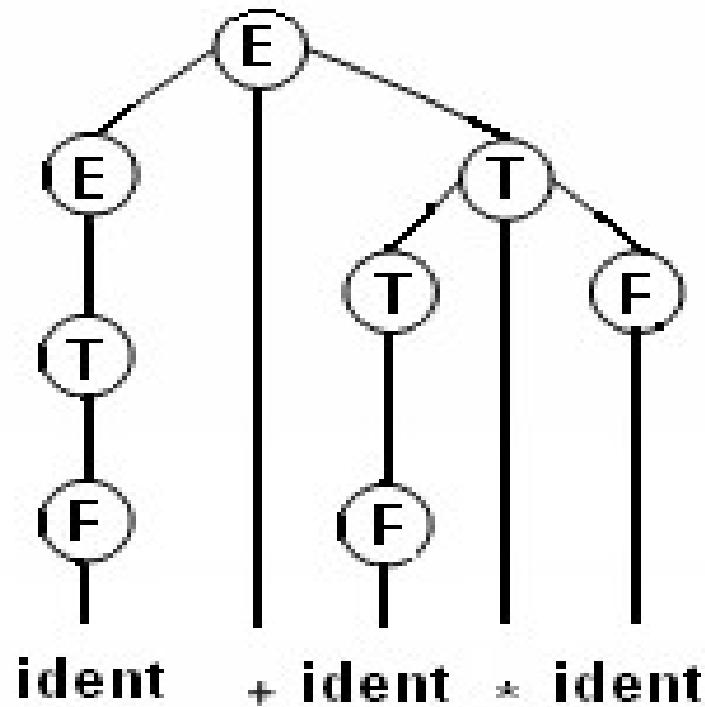
$E \rightarrow T$

$T \rightarrow T * F$

$T \rightarrow F$

$F \rightarrow (E)$

$F \rightarrow IDENT$



E: Expression, T: Term, F: Factor

(Bằng cách thêm các ký hiệu không kết thúc và các sản xuất để đảm bảo thứ tự ưu tiên)

Đê quy

Đê quy trực tiếp $X \Rightarrow^* \omega_1 X \omega_2$

- Một sản xuất là đê quy nếu $X \Rightarrow^* \omega_1 X \omega_2$
- Có thể dùng để biểu diễn các quá trình lắp hay cấu trúc lồng nhau

Đê quy trái $X \Rightarrow b | Xa$.

$X \Rightarrow Xa \Rightarrow Xaa \Rightarrow Xaaa \Rightarrow baaa \dots$

Đê quy phải $X \Rightarrow b | aX$.

$X \Rightarrow aX \Rightarrow aaX \Rightarrow aaaX \Rightarrow \dots aaaaab$

Đê quy giữa $X \Rightarrow b | (X)$.

$X \Rightarrow (X) \Rightarrow ((X)) \Rightarrow (((X))) \Rightarrow (((\dots (b)\dots)))$

Đê quy gián tiếp $X \Rightarrow^* \omega_1 X \omega_2$



Khử đệ quy trái

$E \rightarrow E + T \mid T$

$T \rightarrow T * F \mid F$

$F \rightarrow (E) \mid IDENT$

Khử đệ quy trái bằng cách thêm ký hiệu không kết thúc và sản xuất mới

$E \rightarrow T E'$

$E' \rightarrow + T E' \mid \epsilon$

$T \rightarrow F T'$

$T' \rightarrow * F T' \mid \epsilon$

$F \rightarrow (E) \mid IDENT$

